

**THỐNG KÊ HƯỚNG NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ TRONG THỜI GIAN
05 NĂM CỦA NHÀ KHOA HỌC LÀ CÁN BỘ CƠ HỮU CỦA HỌC VIỆN
HOẶC CÓ HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỚI HỌC
VIỆN, LÀM VIỆC THEO CHẾ ĐỘ TOÀN THỜI GIAN TẠI HỌC VIỆN VỚI
THỜI HẠN HỢP ĐỒNG PHÙ HỢP VỚI KẾ HOẠCH HỌC TẬP,
NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH**

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
I	Ngành: Chính trị học; Mã số: 9310201 <i>(Viện chuyên ngành quản lý chuyên môn: Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế)</i>			
1	Đào Ngọc Báu	TS ¹	Luật học	Luật Hiến pháp, Hiến pháp học, Nhà nước học so sánh
2	Hồ Thị Bích Ngọc	TS	Chính trị học	Đời sống chính trị Việt Nam, chú trọng nghiên cứu tư duy, phương pháp chính trị thể chế, Đảng cầm quyền; người đứng đầu các cấp trong hệ thống chính trị Việt Nam; các vấn đề trong giải quyết xung đột chính trị
3	Trịnh Thị Xuyên	PGS.TS ²	Chính trị học	Các lý thuyết chính trị; Tổ chức thực thi và kiểm soát quyền lực chính trị; Hệ thống chính trị và so sánh các hệ thống chính trị trên thế giới; hoạch định và thực thi chính sách công; dân chủ và dân chủ hóa trên thế giới; các mô hình bầu cử; hệ thống chính trị Việt Nam và các vấn đề liên quan
4	Nguyễn Thị Thu Nga	TS	Lịch sử Việt Nam	Khoa học Lịch sử, Chính trị quốc tế, Lý thuyết quan hệ quốc tế, Chính sách đối ngoại, ASEAN, Đường lối đối ngoại Việt Nam
5	Trịnh Thị Hoa	TS	Lịch sử phong trào cộng sản công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc	Khoa học Lịch sử; Chính trị quốc tế; Chính sách đối ngoại; ASEAN; Địa chính trị thế giới; An ninh phi truyền thống; An ninh tư tưởng...
6	Đỗ Khương Mạnh Linh	TS	Quan hệ quốc tế và Nghiên cứu khu vực	Chính sách đối ngoại; Hệ thống quốc tế và lý thuyết quan hệ quốc tế; An ninh và cấu

¹ Tiến sĩ

² Phó Giáo sư, tiến sĩ

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				trúc an ninh khu vực; Các vấn đề chính trị Ấn Độ đương đại
7	Thái Văn Long	PGS.TS	Lịch sử phong trào cộng sản công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc/ Chính trị học	Khoa học lịch sử; Quan hệ chính trị quốc tế; Cạnh tranh chiến lược nước lớn; Địa chính trị thế giới; An ninh truyền thống và phi truyền thống,....
8	Lê Thị Tình	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Khoa học lịch sử; Chính trị quốc tế; Chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam; Ngoại giao đa phương; An ninh truyền thống và phi truyền thống; Đối ngoại nhân dân; Thông tin đối ngoại; Ngoại giao văn hóa...
9	Trần Ngọc Dũng	PGS.TS	Lịch sử quan hệ quốc tế/Lịch sử	Chính sách đối ngoại của Việt Nam; Chính trị quốc tế; Địa chính trị thế giới; Điều chỉnh chiến lược nước lớn; Quan hệ của Việt Nam với một số nước châu Âu
10	Nguyễn Thị Thanh Dung	TS	Chính trị học	Lịch sử các học thuyết chính trị; Nhà nước và các thể chế chính trị; Quyền lực chính trị; Tổ chức và thực thi chính quyền địa phương; Văn hóa chính trị và đội ngũ cán bộ; Xung đột chính trị - xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Bảo vệ nền tảng tư tưởng; Chính trị quốc tế
11	Vũ Quỳnh Phương	TS	Chính trị học	Lịch sử tư tưởng chính trị, Các lý thuyết chính trị, Chính trị Trung Quốc, Chính trị Việt Nam, So sánh chính trị Việt Nam và Trung Quốc, Phương pháp nghiên cứu Chính trị học
12	Mạch Lê Thu	TS	Báo chí	Báo chí, Truyền thông, Thông tin đối ngoại, Văn hóa thông tin, Đạo đức nghiên cứu, Ấn Độ học
13	Nguyễn Văn Sơn	TS	Quan hệ quốc tế	Chính sách đối ngoại của Việt Nam; ASEAN; An ninh phi truyền thống; Dân chủ; Văn hóa chính trị
14	Phan Văn Rân	PGS.TS	Chính trị học/Lịch sử	Đặc điểm và sự thay đổi quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh; Sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn; Chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam
15	Nguyễn Văn Chuyên	TS	Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Thế giới	Lý thuyết quan hệ quốc tế; Địa chính trị thế giới; Đường lối đối ngoại Việt Nam

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
16	Nguyễn Thu Hà	TS	Quan hệ quốc tế	Điều chỉnh chiến lược của các nước lớn, Đường lối đối ngoại Việt Nam, ASEAN
17	Nguyễn Thị Hồng Minh	TS	Chính trị học	Văn hóa chính trị, Hệ thống chính trị và tổ chức chính quyền địa phương, Dân chủ và tiến trình dân chủ, Quyền lực chính trị và kiểm soát quyền lực chính trị, Lý thuyết chính trị
18	Ngô Chí Nguyên	TS	Khoa học chính trị, chuyên ngành Quan hệ quốc tế	Chính trị, an ninh và quan hệ quốc tế; Địa chính trị thế giới; Lý thuyết quan hệ quốc tế; chính sách đối ngoại Việt Nam và một số nước lớn; Quan hệ nước lớn
19	Lê Thị Thu Mai	TS	Chính trị học	Hệ thống chính trị; Chính trị học so sánh; Dân chủ và dân chủ hoá trên thế giới; Quyền lực và quyền lực chính trị; An ninh chính trị; Hoạch định và thực thi chính sách công; Lý thuyết chính trị; Văn hoá chính trị
20	Vũ Thị Mỹ Hằng	PGS.TS	Chính trị học	Tổ chức thực thi và kiểm soát quyền lực chính trị; Văn hoá chính trị; Dân chủ; Hệ thống chính trị; Thể chế chính trị; Xung đột chính trị - xã hội; Hoạch định và thực thi chính sách công; Quản lý công; Chính trị quốc tế; Phân cấp, phân quyền; Tổ chức chính quyền địa phương
21	Dương Thuỳ Linh	TS	Quan hệ quốc tế	Lý thuyết Quan hệ quốc tế, An ninh quốc tế, Chính sách đối ngoại nước lớn, chính sách đối ngoại Việt Nam
22	Phạm Thế Lực	TS	Chính trị học	Lý thuyết chính trị; Quyền lực chính trị; Hệ thống chính trị; Dân chủ hóa; Chính trị Việt Nam; Chính trị so sánh; Chủ nghĩa lập hiến; Chính sách công, Xung đột xã hội; Quản trị công và phòng chống tham nhũng; An ninh chính trị; Lãnh đạo chính trị
23	Nguyễn Thị Thanh Vân	TS	Lịch sử thế giới	Lịch sử; Chính trị; Quan hệ quốc tế; Chính sách đối ngoại của Việt Nam và một số nước lớn trên thế giới hiện nay; Các vấn đề về chính trị quốc tế; Các vấn đề về hệ thống quốc tế trật tự thế giới và cục diện thế giới; Nghiên cứu khu vực Đông Nam Á và khu vực Ấn Độ Dương Thái Bình Dương; Nghiên cứu về điều chỉnh chiến lược của một số nước lớn trên thế giới hiện nay; Các vấn đề toàn cầu, các xu hướng của đời sống quốc tế hiện nay; Toàn cầu

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				hóa và các thể chế đa phương quốc tế hiện nay
24	Trần Mai Hùng	TS	Chính trị học	Lý thuyết chính trị; Quyền lực chính trị; Hệ thống chính trị; Dân chủ hóa; Chính trị Việt Nam; Chính trị so sánh; Chủ nghĩa lập hiến; Chính sách công, Xung đột xã hội; Quản trị công và phòng chống tham nhũng; An ninh chính trị
25	Bùi Việt Hương	TS	Chính trị học	Lý thuyết chính trị, Quyền lực chính trị, hệ thống chính trị, văn hóa chính trị, dân chủ, chính trị Việt Nam, chính sách công, chính trị quốc tế, cục diện thế giới
II	Ngành: Chủ nghĩa Duy vật biện chứng và Duy vật lịch sử; Mã số: 9229002 (Viện chuyên ngành quản lý chuyên môn: Viện Triết học)			
1	Đặng Quang Định	PGS.TS	Triết học	Triết học duy vật biện chứng, Triết học duy vật lịch sử, Lịch sử triết học, Triết học đạo đức, Nho giáo, Triết học tôn giáo, ứng dụng vào các vấn đề thực tiễn ...
2	Trần Sỹ Dương	TS	Triết học	Triết học duy vật biện chứng, Triết học duy vật lịch sử, Triết học đạo đức, Triết học văn hóa, ứng dụng vào các vấn đề thực tiễn như bảo vệ môi trường, lối sống, phát triển con người...
3	Đinh Văn Thụy	TS	Triết học	Lịch sử Triết học; Triết học Mác-Lênin; Triết học Hồ Chí Minh; Triết học chính trị; Triết học tôn giáo; Triết học sinh thái; Triết học đạo đức; Triết học văn hóa
4	Trần Văn Phòng	GS.TS ³	Triết học	Lịch sử triết học phương Tây trước Mác; Lịch sử triết học phương tây hiện đại; Lịch sử triết học Mác; Triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; Triết học tôn giáo; Triết học chính trị; Triết học văn hóa; Triết học đạo đức; Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh...
5	Lê Thị Thanh Hà	PGS.TS	Triết học	Triết học duy vật biện chứng; triết học duy vật lịch sử; lịch sử triết học; triết học môi trường; kinh điển; xã hội học môi trường; dân số; gia đình; bình đẳng giới; xã hội học Mác - xít...
6	Hoàng Thị Kim Oanh	TS	Triết học	Triết học duy vật biện chứng; triết học duy vật lịch sử; Lịch sử triết học; Triết học đạo đức, triết học ứng dụng vào các vấn đề thực tiễn bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, lối

³ Giáo sư, tiến sĩ

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				sống, đạo đức, tôn giáo, giáo dục, bình đẳng giới...
7	Phan Mạnh Toàn	TS	Triết học	Lịch sử triết học phương Đông; Lịch sử triết học phương Tây; Lịch sử triết học Mác; Triết học Mác - Lênin; Triết học Hồ Chí Minh và các vấn đề triết học ứng dụng
8	Phạm Anh Hùng	TS	Triết học	Triết học Mác- Lênin; Các vấn đề triết học xã hội; Đạo đức học ứng dụng
9	Lê Hồng Phong	TS	Triết học	Triết học duy vật biện chứng, Triết học duy vật lịch sử, Lịch sử triết học, Triết học đạo đức, Triết học văn hóa, Triết học tôn giáo, ứng dụng các vấn đề triết học vào thực tiễn như bảo vệ môi trường, lối sống, phát triển con người...
10	Hoàng Thu Trang	TS	Triết học	Triết học duy vật biện chứng; triết học duy vật lịch sử; lịch sử triết học, triết học đạo đức; triết học ứng dụng vào các vấn đề thực tiễn: phát triển kinh tế - chính trị - xã hội; bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, văn hóa, lối sống, đạo đức, giáo dục, tôn giáo, bình đẳng giới...
11	Ngô Thị Nụ	TS	Triết học	Triết học duy vật biện chứng; triết học duy vật lịch sử; triết học ứng dụng vào các vấn đề thực tiễn: văn hóa, lối sống, đạo đức, giáo dục...
12	Bùi Thị Phương Thùy	TS	Triết học	Triết học duy vật biện chứng; Triết học duy vật lịch sử; Triết học Ấn Độ, Triết học Việt Nam
13	Nguyễn Lương Ngọc	TS	Triết học	Triết học duy vật biện chứng; triết học duy vật lịch sử; lịch sử triết học, triết học nhà nước, triết học chính trị, triết học Hồ Chí Minh; triết học ứng dụng vào các vấn đề thực tiễn: phát triển kinh tế - chính trị - xã hội - văn hóa
14	Lê Thị Hạnh	TS	Triết học	Triết học duy vật biện chứng; triết học duy vật lịch sử; lịch sử triết học, triết học Hồ Chí Minh; triết học ứng dụng vào các vấn đề thực tiễn: phát triển kinh tế - chính trị - xã hội - văn hóa, logic học
15	Phạm Thị Mai	TS	Triết học	Triết học duy vật biện chứng; triết học duy vật lịch sử; lịch sử triết học; triết học chính trị; triết học về nhà nước
16	Nguyễn Tất Đạt	PGS.TS	Triết học	Triết học duy vật biện chứng; triết học duy vật lịch sử; lịch sử triết học; Hành chính nhà nước, Cải cách hành chính

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
17	Hoàng Thanh Sơn	TS	Triết học	Triết học duy vật biện chứng; triết học duy vật lịch sử; lịch sử triết học; Tác phẩm kinh điển; cải cách hành chính; Logic học
18	Lý Thị Huệ	TS	Triết học	Triết học duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và Lịch sử triết học; Triết học Quản lý, cải cách hành chính và Đạo đức công vụ; Triết học Chuyển đổi số và Môi trường số; Triết học văn hóa, gia đình và sinh thái, Triết học nhà nước
19	Lê Văn Lợi	GS.TS	Triết học	Triết học duy vật biện chứng, triết học duy vật lịch sử, Lịch sử triết học, Triết học đạo đức, Nho giáo, Triết học tôn giáo, ứng dụng vào các vấn đề thực tiễn...
20	Trần Thanh Giang	PGS.TS	Triết học	Triết học duy vật biện chứng, triết học duy vật lịch sử, Triết học đạo đức, Triết học văn hóa, ứng dụng vào các vấn đề thực tiễn như bảo vệ môi trường, lối sống, phát triển con người...
III	Ngành: Chủ nghĩa xã hội khoa học; Mã số: 9229008 (Viện chuyên ngành quản lý chuyên môn: Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học)			
1	Phạm Thị Hoàng Hà	TS	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Lý luận dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam; Vấn đề gia đình, giới và phát triển bền vững; Về các giai cấp, tầng lớp; Vấn đề dân chủ và xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
2	Nguyễn Văn Quyết	TS	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa; Lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học; Lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội thế giới; Lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
3	Nguyễn Anh Tuấn	TS	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Vấn đề lý luận, thực tiễn về dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Vấn đề động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa và phát huy vai trò của các giai cấp, tầng lớp xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Vấn đề xây dựng gia đình, văn hóa, con người Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới; Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh mới
4	Nguyễn Sỹ Trung	PGS.TS.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân; công đoàn; Dân chủ xã hội chủ nghĩa; Hệ thống chính trị; Liên minh giai cấp tầng lớp xã hội; Đại đoàn kết dân tộc; Cách mạng xã

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				hội chủ nghĩa; hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Văn hóa xã hội chủ nghĩa; dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam; Tôn giáo; dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam; Gia đình, giới, bình đẳng giới; Chính sách xã hội, an sinh xã hội
5	Dương Thị Hà	TS	Khoa học chính trị	Lý thuyết về giai cấp công nhân đương đại; đảng cộng sản và đảng công nhân trên thế giới hiện nay; Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và phát triển hệ thống lý luận về đường lối đổi mới; Thể chế, quá trình và công nghệ chính trị
6	Nguyễn Thị Tuyết	TS	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Vấn đề liên minh giai cấp, tầng lớp và đại đoàn kết toàn dân tộc; Vấn đề dân chủ và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới; Vấn đề dân tộc, gia đình ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới
7	Cao Thị Hà	TS	Triết học	Giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Mô hình chủ nghĩa xã hội trên thế giới và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam hiện nay
8	Vi Thị Hương Lan	TS	Triết học	Vấn đề liên minh giai cấp, tầng lớp và đại đoàn kết toàn dân tộc; Vấn đề dân chủ và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới; Vấn đề dân tộc, gia đình ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới; Sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân; Công bằng xã hội, bình đẳng xã hội và an sinh xã hội
9	Nguyễn Kim Tôn	TS	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và các nước trên thế giới; Thực tiễn chính trị - xã hội của thời đại tác động tới công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay
10	Nguyễn Thị Thế	TS	Chủ nghĩa Duy vật biện chứng và Duy vật lịch sử	Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Các vấn đề chính trị - xã hội liên quan đến chuyên ngành giảng dạy
11	Đặng Văn Luận	TS	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Gia đình, giới, bình đẳng giới, nguồn nhân lực; Dân chủ xã hội chủ nghĩa; hệ thống chính trị; Liên minh giai cấp tầng lớp xã

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				hội; đại đoàn kết dân tộc; Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Văn hóa xã hội chủ nghĩa; dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam; Chính sách xã hội, an sinh xã hội
12	Nguyễn Thị Thu Huyền	TS	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Về công tác dân tộc và chính sách dân tộc; Về chủ nghĩa tư bản hiện đại; Về phát triển nguồn nhân lực; Về phê phán quan điểm sai trái về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội
13	Lê Đình Thảo	TS	Triết học	Lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Vấn đề dân chủ và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới; Hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay
14	Nguyễn Thị Hoa	TS	Triết học	Nguồn nhân lực, An sinh xã hội
IV	Ngành: Hồ Chí Minh học; Mã số: 9310204 (Viện chuyên ngành quản lý chuyên môn: Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng)			
1	Lê Thị Hiền	TS	Lịch sử	Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề đoàn kết, đại đoàn kết; Tư tưởng Hồ Chí Minh về các vấn đề văn hóa, xã hội, đạo đức; Chính trị học, lịch sử, văn hóa và quản lý văn hóa, công tác tư tưởng của Đảng, truyền thông chính sách
2	Trần Thị Hợi	TS	Chính trị học	Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức; Nghiên cứu tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối, lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước
3	Nguyễn Thị Lương Uyên	TS	Chính trị học	Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người, về quốc phòng an ninh; đối ngoại; Phương pháp luận Hồ Chí Minh; Phương pháp cách mạng và phong cách Hồ Chí Minh; Về Lịch sử, Xây dựng Đảng, Tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				bồi tiêu biểu, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và cách mạng Việt Nam
4	Nguyễn Thị Thu Huyền	TS	Chính trị học	Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề đoàn kết, đại đoàn kết; Tư tưởng Hồ Chí Minh về các vấn đề văn hóa, xã hội, đạo đức; Chính trị học, lịch sử, văn hóa và quản lý văn hóa, công tác tư tưởng của Đảng; Truyền thông chính sách; Các vấn đề về thanh niên và công tác thanh niên
5	Ngô Xuân Dương	TS	Chính trị học	Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết; Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh; Tiểu sử Hồ Chí Minh; Phong cách Hồ Chí Minh; Tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối, lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; Giáo dục thanh niên
6	Nguyễn Thị Thu Trang	TS	Hồ Chí Minh học	Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề đoàn kết, đại đoàn kết; Chính trị học, lịch sử...; Tiểu sử Hồ Chí Minh; Các vấn đề về người Việt Nam ở nước ngoài và công tác người Việt Nam ở nước ngoài
7	Hoàng Diệu Thảo	TS	Hồ Chí Minh học	Chính trị học; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền; Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước; Phong cách Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững...
8	Lê Thị Thu Hồng	TS	Chính trị học	Chính trị học, Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền; Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước; Phương pháp cách mạng và phong cách Hồ Chí Minh
9	Lê Trung Kiên	TS	Hồ Chí Minh học	Chính trị học; Hồ Chí Minh học; tiểu sử các lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam; lịch sử, tư tưởng chính trị; xây dựng các luận cứ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; khoa học lý luận Công an

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
10	Lê Thị Hằng	TS	Hồ Chí Minh học	Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức; Nghiên cứu tiêu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối, lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; Lịch sử Việt Nam cận hiện đại
11	Đinh Ngọc Quý	TS	Chính trị học	Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc, về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền; về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người, văn hóa, đạo đức; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại và hội quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ, công tác dân vận; Phương pháp cách mạng và phong cách Hồ Chí Minh; Chính trị học hiện đại; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Nghiên cứu, xây dựng tiêu sử các lãnh tụ của Đảng
12	Trần Thị Huyền	TS	Hồ Chí Minh học	Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người, về quốc phòng an ninh; đối ngoại; Phương pháp luận Hồ Chí Minh; Phương pháp cách mạng và phong cách Hồ Chí Minh; Về Lịch sử, Xây dựng Đảng, Tiêu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối tiêu biểu, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và cách mạng Việt Nam
13	Lý Việt Quang	PGS.TS	Chính trị học	Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền; Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Phương pháp luận Hồ Chí Minh; Phương pháp cách mạng và phong cách Hồ Chí Minh

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
14	Đỗ Xuân Tuất	PGS.TS	Chính trị học	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân dân, dân chủ, dân vận; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, đối ngoại; Vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng, đạo đức, phương pháp cách mạng, phong cách Hồ Chí Minh
15	Lại Quốc Khánh	GS.TS	Chính trị học, Triết học	Tư tưởng và triết lý chính trị Hồ Chí Minh, tập trung vào các vấn đề dân chủ và pháp quyền, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phương pháp luận và phương pháp Hồ Chí Minh; Chính trị Việt Nam thời kỳ đổi mới, tập trung vào các vấn đề về phát triển thể chế chính trị, lý luận và thực tiễn dân chủ và pháp quyền, văn hóa chính trị Việt Nam thời kỳ đổi mới; Lý thuyết chính trị hiện đại, tập trung vào các lý thuyết về chủ nghĩa dân tộc, dân chủ, pháp quyền, tân thể chế, tân mác-xít, văn hóa chính trị
V	Ngành: Kinh tế chính trị; Mã số: 9310102 (Viện chuyên ngành quản lý chuyên môn: Viện Kinh tế chính trị học)			
1	Nguyễn Ngọc Toàn	PGS.TS	Kinh tế	Tăng trưởng kinh tế và mô hình tăng trưởng kinh tế: nghiên cứu các vấn đề về tăng trưởng kinh tế, mô hình tăng trưởng, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn; Bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo, giải quyết các vấn đề xã hội, bao gồm việc làm, bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội, các dịch vụ xã hội cơ bản, phát triển sinh kế, nâng cao phúc lợi xã hội; Phát triển doanh nghiệp, phân tích hành vi doanh nghiệp, hộ gia đình và người tiêu dùng
2	Lê Bá Tâm	TS	Kinh tế chính trị	Kinh tế quốc tế (Lực lượng sản xuất mới; Tài chính; Thương mại; Lý thuyết kinh tế);

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				Kinh tế Việt Nam (Đất đai; Nhân lực; Kinh tế số; Quan hệ sản xuất mới); Phát triển bền vững (Kinh tế xanh; Kinh tế tuần hoàn; Nông nghiệp công nghệ cao; Không gian kinh tế)
3	Phạm Thị Túy	PGS.TS	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị về sự phát triển của tư bản chủ nghĩa và những biến chuyển về kinh tế, chính trị, xã hội của chủ nghĩa tư bản (Toàn cầu hoá, tư bản công nghệ, tư bản giám sát, tư bản khí hậu...). các nguồn lực (tài chính, nhân lực, dữ liệu...) cho phát triển; Kinh tế chính trị về không gian số, chuyển đổi xanh (kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh)... và những biến chuyển về thể chế phát triển và quản trị quốc gia; Kinh tế chính trị về phát triển công bằng, phát triển bền vững và những vấn đề cốt lõi trong quản trị thích ứng của quốc gia (Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển công bằng, phát triển bền vững; chuỗi giá trị toàn cầu và quan hệ kinh tế/ liên kết kinh tế trong cạnh tranh địa kinh tế khu vực/toàn cầu và (tham nhũng, nhóm lợi ích, khủng hoảng kinh tế ...))
4	Đoàn Xuân Thủy	PGS.TS	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị về chủ nghĩa tư bản: Kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa tư bản; những đặc điểm, mâu thuẫn mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại; Kinh tế chính trị về những vấn đề toàn cầu: Toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Việt Nam: Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; quan hệ lợi ích trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển bền vững; các mô hình kinh tế mới (kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn); đô thị thông minh
5	Trần Hoa Phượng	PGS.TS	Kinh tế chính trị	Kinh tế quốc tế: Hướng nghiên cứu này tập trung vào phân tích đầu tư, xuất khẩu, hợp tác, liên kết, chuỗi cung ứng, logistic,

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				quan hệ kinh tế quốc tế. Sử dụng các phương pháp phân tích định lượng để phân tích các vấn đề kinh tế quốc tế dựa trên các số liệu điều tra, khảo sát để kiểm định các giả thuyết kinh tế và các quy luật kinh tế. Hướng nghiên cứu này phục vụ cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu các vấn đề thực tiễn và công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí trong nước và quốc tế hoặc xuất bản thành sách; Kinh tế chính trị Việt Nam: Hướng nghiên cứu này tập trung luận giải, cắt nghĩa những vấn đề lý luận, các lý thuyết kinh tế, vận dụng, phân tích thực trạng mô hình phát triển kinh tế Việt Nam, những cơ hội, thách thức, rào cản của quá trình hội nhập đối với mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam, thể chế cho phát triển ở Việt Nam, vấn đề sở hữu, vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường, giải pháp đổi mới, thích ứng của mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong bối cảnh kinh tế số và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hướng nghiên cứu này phục vụ cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu tư vấn chính sách cho Đảng và Nhà nước và công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí trong nước hoặc xuất bản thành sách.
6	Hồ Thanh Thủy	TS	Kinh tế chính trị	Nghiên cứu, vận dụng và phát triển Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong điều kiện KTTT hiện đại ở Việt Nam; KTTT định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển lực lượng sản xuất và tương quan với quan hệ sản xuất, cấu trúc quan hệ Nhà nước - Thị trường - Doanh nghiệp; nghiên cứu các xu hướng mới của phát triển như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và công nghiệp văn hóa phục vụ hoạch định chiến lược phát triển quốc gia; Thể chế phát triển và quản trị quốc gia; xây dựng và hoàn thiện thể chế KTTT hiện đại, hội nhập; đổi mới quản trị quốc gia và quản trị phát triển trong bối cảnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng; thu hút và sử dụng FDI, phát triển kinh tế tư nhân; hoàn thiện khung thể chế cho kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam;

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				Các vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn, kinh tế vùng; du lịch cộng đồng, sinh kế bền vững và giảm nghèo đa chiều. Đồng thời phân tích vai trò của phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khoa học - công nghệ theo định hướng tăng trưởng xanh, bao trùm
7	Tạ Thị Đoàn	TS	Kinh tế chính trị	Lý luận kinh tế chính trị và mô hình phát triển: Nghiên cứu, vận dụng và phát triển Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong điều kiện kinh tế thị trường hiện đại ở Việt Nam; làm rõ cơ sở lý luận của mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển lực lượng sản xuất và tương quan với quan hệ sản xuất, cấu trúc quan hệ Nhà nước - Thị trường - Doanh nghiệp; nghiên cứu các xu hướng mới của phát triển như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và công nghiệp văn hóa phục vụ hoạch định chiến lược phát triển quốc gia; Thể chế phát triển và quản trị quốc gia: Nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập; đổi mới quản trị quốc gia và quản trị phát triển trong bối cảnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Trọng tâm là thể chế đầu tư công, dịch vụ công, thu hút và sử dụng FDI, phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế hợp tác; hoàn thiện khung thể chế cho kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam; Phát triển bền vững, phát triển con người: Nghiên cứu các vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn, kinh tế vùng; du lịch cộng đồng, sinh kế bền vững và giảm nghèo đa chiều. Đồng thời phân tích vai trò của phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khoa học - công nghệ theo định hướng tăng trưởng xanh, bao trùm, gắn với phát huy giá trị văn hóa và mục tiêu phát triển con người toàn diện
8	Vũ Ngọc Thanh	TS	Kinh tế chính trị	Những vấn đề Kinh tế chính trị Việt Nam và Quốc tế:

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				<i>1) Kinh tế chính trị Việt Nam:</i> Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường phù hợp để xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trên cơ sở lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. + Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế số, nhất là công nghệ tài chính, tài sản số, trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử, các ngành công nghệ mới. + Kinh tế số; Kinh tế NetZeroCO2; Kinh tế tuần hoàn; Kinh tế Xanh; Kinh tế chia sẻ; thể chế, chính sách đột phá, vượt trội để phát triển các mô hình kinh tế mới và các dự án trọng điểm, quy mô lớn như: Kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế, đặc khu kinh tế, đặc khu công nghệ, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế, trung tâm dữ liệu quốc gia; + Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; các thị trường yếu tố sản xuất (vốn, tài chính-tín dụng, lao động, khoa học và công nghệ, đất đai, bất động sản sản xuất); + Chế độ sở hữu, phát triển thành phần kinh tế, chế độ phân phối thu nhập và phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế thị trường thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; + Kinh tế quốc tế: Thương mại và đầu tư quốc tế; Phân công lao động quốc tế; Tập đoàn xuyên quốc gia và đa quốc gia. + Thể chế và chính sách quản lý phát triển các ngành/lĩnh vực: công nghiệp, khu công nghiệp/khu kinh tế/cụm công nghiệp; năng lượng xanh, nhân lực; hạ tầng cơ sở; tài nguyên nước, đất đai; môi trường sinh thái; + Thể chế và chính sách cho đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong bối cảnh mới phát triển mới của Việt Nam gắn với Kinh tế số, Kinh tế Xanh, Kinh tế tuần hoàn, hành chính số, xã hội số,... + Quản lý tổng hợp nguồn tài nguyên

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				nước; và an ninh nguồn nước trong phát triển kinh tế - xã hội; 2) <i>Kinh tế quốc tế</i> : Chủ nghĩa tư bản (CNTB) đương đại - CNTB Khí hậu; CNTB Xanh; Những biểu hiện mới của CNTB trong kỷ nguyên số của CNCN 4.0. và chủ chuyển của tư bản trong kỷ nguyên số.
9	Nguyễn Thanh Sơn	PGS.TS	Kinh tế	Mối quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội vì mục tiêu phát triển bền vững: các mô hình kinh tế thị trường; các thất bại của thị trường; vai trò và mức độ can thiệp của nhà nước vào thị trường; vai trò của các tổ chức xã hội với sự vận hành của thị trường; các mô hình quản trị quốc gia trên thế giới; chuyển dịch cơ cấu kinh tế; kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; Mạng sản xuất khu vực và chuỗi cung ứng toàn cầu: các nhân tố ảnh hưởng tới các dòng thương mại quốc tế; tác động của các dòng thương mại đối với các nước đang phát triển; tác động từ bên thứ ba tới giá trị thương mại song phương; sự gia nhập vào và nâng cấp trong chuỗi giá trị toàn cầu của một quốc gia; Cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh mới: các xung đột địa chính trị; chiến tranh thương mại; các vấn đề an ninh phi truyền thống; sự kết hợp các công cụ địa kinh tế và địa chính trị trong quan hệ ngoại giao; chiến lược cạnh tranh của các nước lớn
10	Trương Nam Trung	TS	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác-Lênin về chủ nghĩa tư bản, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Kinh tế chính trị về chủ nghĩa tư bản ngày nay, Thể chế kinh tế thị trường, Chủ nghĩa tư bản, Công nghiệp hóa, Kinh tế tri thức, Kinh tế số, kinh tế xanh, sản xuất 5.0... trong Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Thể chế kinh tế thị trường, Công nghiệp hóa, Công nghiệp chế tạo, Công nghiệp hỗ trợ, Kinh tế tri thức, Kinh tế số, Kinh tế xanh, khoa học, đổi mới sáng tạo, tuần hoàn,

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				hữu cơ, bền vững trong kiến tạo phát triển quốc gia, ngành và địa phương
11	Hoàng Thị Bích Loan	TS	Kinh tế	Kinh tế chính trị quốc tế: nghiên cứu sự tương tác qua lại giữa kinh tế và chính trị trong quan hệ quốc tế; vai trò của Nhà nước và thị trường có tác động tới các hoạt động kinh tế quốc tế như thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, hợp tác quốc tế... và những thách thức toàn cầu có ảnh hưởng đến phát triển kinh tế của các quốc gia trên thế giới như: khủng hoảng tài chính, khủng hoảng năng lượng, lương thực; Kinh tế học: nghiên cứu về hành vi của các chủ thể trong nền kinh tế, đặc biệt là hành vi của Chính phủ trong việc lựa chọn sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế; Quản lý kinh tế: nghiên cứu các chính sách kinh tế của Chính phủ trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với mục tiêu phát triển bền vững; nghiên cứu một số mô hình kinh tế mới: kinh tế chia sẻ, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tầm thấp...
12	Bùi Thị Thúy Nhi	TS	Kinh tế	Kinh tế học vĩ mô: Nghiên cứu tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô; các yếu tố quyết định tăng trưởng kinh tế bền vững; Phân tích tác động và hiệu quả của chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ trong việc ổn định và thúc đẩy tăng trưởng; Kinh tế chính trị hiện đại: Nghiên cứu mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; Phân tích chính sách công dưới góc độ xung đột lợi ích và quyền lực; Nghiên cứu mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong bối cảnh Việt Nam hiện nay; Nghiên cứu chính sách thương mại, đầu tư quốc tế và các hiệp định FTA dưới lăng kính lợi ích và quyền lực quốc gia; Quản lý kinh tế: Nghiên cứu các mô hình tăng trưởng kinh tế và chính sách phát triển trong xu thế mới hiện nay; Phân tích và đánh giá chính sách công phát triển ngành/vùng; Nghiên cứu cơ chế quản lý công thức đẩy các mô hình kinh tế mới như

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				Kinh tế xanh, Kinh tế tuần hoàn, Kinh tế số
13	Đỗ Hồng Việt	TS	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị về doanh nghiệp trong bối cảnh mới: Từ “quản trị lợi ích” đến “kiến tạo giá trị” và vai trò của Nhà nước kiến tạo; + Kinh tế chính trị về vốn con người trong kỷ nguyên số: Tháo gỡ các rào cản nhằm giải phóng tiềm năng của vốn con người
14	Nguyễn Quỳnh Anh	TS	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Kinh tế chính trị quốc tế, phát triển bền vững
15	Phùng Lê Dung	TS	Kinh tế chính trị	Những vấn đề xoay quanh các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin; Các vấn đề về kinh tế chính trị đương đại, bao gồm các mô hình kinh tế, các xu hướng kinh tế mới, vấn đề thể chế và quản trị quốc gia, nguồn nhân lực trong bối cảnh số,...; Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế
16	Đỗ Thị Thu Trang	TS	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị quốc tế, quan hệ chính trị - kinh tế quốc tế, địa chính trị; Toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế; Chủ nghĩa tư bản đương đại
17	Ngô Tuấn Nghĩa	PGS.TS	Kinh tế chính trị	Các vấn đề kinh điển Mác - Lênin như học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, địa tô, tư bản tài chính...; Các vấn đề về chủ nghĩa tư bản đương đại, những biểu hiện mới cũng như những mâu thuẫn trong bối cảnh ngày nay; Các vấn đề về kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bao gồm mối quan hệ giữa Nhà nước - doanh nghiệp - thị trường; thể chế kinh tế; phát triển bền vững; các loại thị trường; các loại mô hình kinh tế (kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế bạc, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế biển sâu, kinh tế tầng thấp...)
VI	Ngành: Kinh tế phát triển; Mã số: 9310105 Ngành: Quản lý kinh tế; Mã số: 9310110 <i>(Viện chuyên ngành quản lý chuyên môn: Viện Kinh tế - Xã hội và Môi trường)</i>			
1	Nguyễn Xuân Thắng	GS.TS	Kinh tế	Kinh tế học, kinh tế chính trị, thể chế kinh tế và thể chế phát triển, quản lý kinh tế, kinh tế phát triển
2	Bùi Văn Huyền	PGS.TS	Kinh tế	Quản lý kinh tế; Kinh tế phát triển; Các mô hình kinh tế; Các nguồn lực (vốn, nhân lực, khoa học công nghệ, tài nguyên) cho

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				tăng trưởng và phát triển; Các loại hình doanh nghiệp; Các chính sách kinh tế...
3	Nguyễn Quốc Thái	PGS.TS	Kinh tế	Quản lý nhà nước về kinh tế; Thể chế kinh tế; Chính sách kinh tế; Quản lý tài chính công; Quản lý nhà nước về đầu tư
4	Đinh Thị Nga	PGS.TS	Kinh tế	Quản lý nhà nước về kinh tế; Quản lý kinh tế; Chính sách kinh tế vĩ mô; Quản lý tài chính công; Quản lý đầu tư; Quản lý ngân sách nhà nước; Quản lý phát triển địa phương; Kinh tế phát triển
5	Lê Toàn Thắng	TS	Quản lý hành chính công	Quản lý nhà nước về kinh tế; Quản lý tài chính công
6	Hồ Thị Hương Mai	TS	Kinh tế	Quản lý kinh tế; Quản lý tài chính công; Quản lý vốn đầu tư
7	Nguyễn Thị Phong Lan	TS	Kinh tế	Quản lý kinh tế; Quản lý phát triển kinh tế số, kinh tế xanh; Quản lý phát triển doanh nghiệp; Quản lý phát triển các ngành kinh tế
8	Trần Thị Tuyết Lan	TS	Kinh tế	Kinh tế phát triển; Phát triển bền vững; Nghiên cứu về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; Tăng trưởng kinh tế; Mô hình tăng trưởng kinh tế; Các nguồn lực trong phát triển kinh tế; Biến đổi khí hậu.
9	Nguyễn Trí Tùng	TS	Kinh tế	Kinh tế phát triển; Kinh tế học; Kinh tế quốc tế; Kinh tế nông nghiệp; Quản lý nhà nước về kinh tế; Kinh tế đầu tư; Kinh tế lượng; Phân tích lợi ích và chi phí; Phát triển bền vững; Thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu
10	Phí Thị Hằng	TS	Kinh tế	Kinh tế phát triển; Kinh tế nguồn nhân lực; Kinh tế đầu tư; Kinh tế ngành; Phát triển bền vững; Phát triển bền vững các ngành kinh tế; Phát triển thị trường các nguồn lực; Kinh tế số, kinh tế xanh; Kinh tế nông nghiệp, nông thôn
11	Trương Thị Mỹ Nhân	TS	Kinh tế	Kinh tế phát triển; Phát triển bền vững; Tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn; Chuyển đổi năng lượng; Nền kinh tế các bon thấp và biến đổi khí hậu; Nghiên cứu về nông nghiệp và phát triển nông nghiệp
12	Ngô Thị Ngọc Anh	TS	Kinh tế	Quản trị nguồn nhân lực khu vực công và các doanh nghiệp nhà nước; Quản lý của nhà nước đối với các doanh nghiệp nhà nước; Quản lý nhà nước về an sinh xã hội; Quản lý nhà nước về tài chính, tiền tệ; Quản lý nhà nước về du lịch; Mô hình phát triển kinh tế; Quản lý nhà nước về xóa đói,

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				giảm nghèo; Quản lý nhà nước về thu hút đầu tư nước ngoài
13	Hoàng Ngọc Âu	TS	Kinh tế	Tài chính - Ngân hàng, tài chính công, quản lý kinh tế, kinh tế phát triển, chính sách công, quản trị công, quản lý xây dựng và đầu tư, đấu thầu và mua sắm công, quản lý tài chính và tài sản công, tài chính doanh nghiệp
14	Đào Xuân Thái	TS	Kinh tế	Chính sách công; Quản lý văn hóa, giáo dục, y tế; Công tác thi đua khen thưởng; Quản trị nguồn nhân lực và tổ chức, bộ máy, chính quyền địa phương; Quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, môi trường; Quản lý nhà nước về đô thị, nông thôn
15	Nguyễn Hoàng Quy	TS	Kinh tế	Quản lý nhà nước về kinh tế; Các công cụ quản lý kinh tế; Chính sách công
16	Phạm Thị Thanh Vân	TS	Kinh tế	Quản lý tài chính công; Quản trị tài chính trong khu vực công; Quản lý tài sản, mua sắm công; Chính sách vĩ mô về kinh tế, tài chính; Kế toán công
17	Ngô Thuý Quỳnh	PGS.TS	Địa lý kinh tế	Quản lý nhà nước về vùng kinh tế, xã hội; Quản lý nhà nước về đô thị, nông thôn; Quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường
18	Nguyễn Thị Ngân	TS	Quản lý công	Quản lý nhà nước về kinh tế; Quản lý công; Chính sách công
19	Hoàng Thị Cường	TS	Địa lý tài nguyên và môi trường	Đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương; Công tác xã hội; Cải cách hành chính; Điểm mới trong quản lý pháp luật đất đai và luật dân chủ cơ sở; Công tác bảo vệ môi trường; Kinh nghiệm nghiên cứu địa phương và quản lý công của Vương quốc Anh và Cộng hoà Pháp
20	Nguyễn Mạnh Hùng	PGS.TS	Kinh tế	Quản lý kinh tế; Kinh tế phát triển; Quản lý tài chính công; Quản lý phát triển địa phương; Kinh tế nguồn nhân lực; Kinh tế đầu tư; Kinh tế ngành; Phát triển bền vững; Phát triển bền vững các ngành kinh tế; Phát triển thị trường các nguồn lực; Kinh tế số, kinh tế xanh; Kinh tế nông nghiệp, nông thôn
21	Trần Quang Phú	PGS.TS	Kinh tế	Kinh tế phát triển; Kinh tế nguồn nhân lực; Kinh tế đầu tư; Kinh tế ngành; Phát triển bền vững; Phát triển bền vững các ngành kinh tế; Phát triển thị trường các nguồn

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				lực; Kinh tế số, kinh tế xanh; Kinh tế nông nghiệp, nông thôn
22	Hoàng Văn Hoan	PGS.TS	Kinh tế	Thể chế phát triển kinh tế và quản lý nhà nước trong bối cảnh đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số và tăng trưởng xanh; Quản lý và phát triển khu vực công, đơn vị sự nghiệp công lập, đặc biệt là tổ chức, hoạt động và cơ chế vận hành của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; Phát triển nguồn nhân lực, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp cơ sở; Chính sách phát triển kinh tế địa phương, kinh tế tư nhân, hợp tác công - tư (PPP) và huy động nguồn lực cho phát triển bền vững; Một số vấn đề kinh tế - xã hội đương đại như quản lý phát triển du lịch, kinh tế số, kinh tế xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu
23	Phan Tiến Ngọc	TS	Kinh tế	Kinh tế phát triển; Kinh tế nguồn nhân lực; Kinh tế đầu tư; Kinh tế ngành; Phát triển bền vững; Phát triển bền vững các ngành kinh tế; Phát triển thị trường các nguồn lực; Kinh tế số, kinh tế xanh; Kinh tế nông nghiệp, nông thôn; Một số vấn đề kinh tế - xã hội đương đại như quản lý phát triển du lịch, kinh tế số, kinh tế xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu
24	Đậu Hương Nam	PGS.TS	Kinh tế	Kinh tế học, chính sách công; Quản lý kinh tế; Kinh tế tài chính, Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; đo lường tác động của thương mại quốc tế tới tăng trưởng
25	Đỗ Tất Cường	TS	Kinh tế học	Kinh tế học của đổi mới sáng tạo; Mô hình tăng trưởng nội sinh; Tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào phân tích chính sách kinh tế vĩ mô; Nghiên cứu hành vi của tổ chức trong khu vực công (Organizational Behaviour); Quản lý nhà nước đối với phát triển kinh tế - xã hội địa phương; Quản lý nhà nước đối với sự phát triển của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; Kinh tế học quốc tế; đo lường tác động của thương mại quốc tế tới tăng trưởng; Nghiên cứu về mối quan hệ

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				giữa tích lũy tri thức, kinh nghiệm đối với sự phân bổ thời gian lao động và vốn; Nghiên cứu về mô hình chính quyền địa phương 2 cấp dưới góc nhìn lý thuyết kinh tế học của xã hội học tập
26	Nguyễn Tấn Vinh	PGS.TS	Kinh tế học	Kinh tế học; Kinh tế phát triển; Quản lý kinh tế; Kinh tế chính trị
27	Nguyễn Thị Nghĩa	TS	Quản lý kinh tế	Kinh tế học; Kinh tế phát triển; Quản lý kinh tế
28	Trần Hoàng Hiếu	TS	Kinh tế	Kinh tế chính trị; Kinh tế học; Kinh tế phát triển; Quản lý kinh tế
29	Hồ Sỹ Ngọc	TS	Kinh tế	Kinh tế học; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Quản lý kinh tế; Quản lý kinh doanh
30	Nguyễn Bình Đức	TS	Kinh tế	Kinh tế phát triển; tăng trưởng kinh tế và tái cơ cấu; Biến đổi khí hậu với tăng trưởng xanh...
31	Võ Hữu Phước	PGS.TS	Kinh tế học	Kinh tế học; Kinh tế phát triển; Quản lý kinh tế; Kinh tế nông nghiệp
32	Vũ Thị Thanh Xuân	PGS.TS	Kinh tế	Kinh tế xanh; kinh tế tuần hoàn; kinh tế số
VII	Ngành: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Mã số: 9229015 (Viện chuyên ngành quản lý chuyên môn: Viện Lịch sử Đảng)			
1	Nguyễn Danh Tiên	PGS.TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nghiên cứu về những thành tựu Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay; Nghiên cứu về Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; Nghiên cứu về các lãnh tụ và tiền bối của Đảng
2	Trần Trọng Thơ	PGS.TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Đảng Cộng sản Việt Nam; Lịch sử công tác xây dựng Đảng; Lịch sử cách mạng Việt Nam; Lịch sử các địa phương, ban ngành; Lịch sử quan hệ quốc tế; Các vấn đề về Đảng lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang, khối đại đoàn kết dân tộc; nhân vật lịch sử Đảng, sự kiện lịch sử Đảng ...
3	Phạm Đức Kiên	PGS.TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những vấn đề cốt lõi của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Lịch sử Đảng bộ địa phương
4	Trịnh Thị Hồng Hạnh	PGS.TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam; tập trung công bố nghiên cứu về những vấn đề chỉ đạo chiến lược trong 30 năm chiến tranh

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				giải phóng; nghệ thuật lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh nhân dân; Đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam; Lĩnh vực lịch sử xây dựng Đảng qua các thời kỳ cách mạng; Các bài học kinh nghiệm từ quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng; tạo thời cơ và chớp thời cơ; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc....; Hoạt động và vai trò của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước trong cách mạng Việt Nam; Giảng dạy lịch sử Đảng với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; phản bác các quan điểm sai trái thù địch xuyên tạc đường lối của Đảng, xuyên tạc thành quả cách mạng Việt Nam
5	Trần Thị Vui	PGS.TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và trong thời kỳ đổi mới; Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công cuộc đổi mới, trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; Những vấn đề chung của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Lịch sử Chính phủ, Quốc hội; các Bộ, ban, ngành và lịch sử các Đảng bộ địa phương
6	Đặng Kim Oanh	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những vấn đề chung của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công cuộc đổi mới, trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; Lịch sử Chính phủ, Quốc hội; các Bộ, ban, ngành và lịch sử các Đảng bộ địa phương
7	Trần Thị Nhẫn	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đảng lãnh đạo cách mạng XHCN ở Việt Nam từ 1954 đến nay: Nhận thức, lý luận của Đảng về cách mạng XHCN, thực tiễn Đảng lãnh đạo trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; Một số vấn đề lịch sử Đảng thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930 -

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				1975)
8	Trần Tuấn Sơn	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Chính phủ, Quốc hội; các Bộ, ban, ngành và lịch sử các Đảng bộ địa phương; Cách mạng tháng Tám và kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954); Kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975); Chiến tranh biên giới phía Bắc (1979-1989); Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công cuộc đổi mới, trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; Công tác xây dựng Đảng; Công tác dân vận của Đảng; Lịch sử và Địa chí các địa phương; Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng
9	Nguyễn Thị Mai	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Lịch sử Việt Nam; Lịch sử Ngoại giao Việt Nam thời kì đổi mới; Quan hệ Việt Nam - ASEAN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử Quan hệ quốc tế; Lịch sử Công tác xây dựng Đảng, Xây dựng Đảng...
10	Lê Thị Minh Hạnh	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ 1945-1975; Lịch sử chính quyền Hà Nội; Lịch sử Đảng bộ địa phương
11	Vũ Thị Hồng Dung	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và sự lãnh đạo của Đảng; Lịch sử các cuộc chiến tranh chống xâm lược thế kỷ XX: kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, chống đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai, chống Trung Quốc và Campuchia Dân chủ xâm chiếm biên giới lãnh thổ Tổ quốc; Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và quá trình đổi mới của đất nước; Hồ Chí Minh và các nhân vật lịch sử Đảng; Lịch sử Đảng các Bộ, Ban, ngành, địa phương...
12	Trần Thị Mỹ Hương	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính sách dân tộc của Đảng; Lịch sử Đảng bộ các địa phương; Lịch sử Đảng thời kỳ đổi mới...
13	Vũ Thái Dũng	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Chính phủ, Quốc hội; các Bộ, ban, ngành và lịch sử các Đảng bộ địa phương; Cách mạng tháng Tám và kháng chiến

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				chống thực dân Pháp (1945-1954); Kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975); Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công cuộc đổi mới, trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; Công tác xây dựng Đảng; Công tác dân vận của Đảng; Lịch sử và Địa chí các địa phương
14	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những vấn đề cốt lõi của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; Lịch sử Đảng bộ địa phương
15	Trần Thị Thái	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nghiên cứu về mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam từ lý luận đến thực tiễn; Nghiên cứu về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở Việt Nam; Nghiên cứu về phát triển bền vững; Nghiên cứu về kinh tế - xã hội
16	Đào Thị Hoàn	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ địa phương; lịch sử truyền thống; tập bài giảng lịch sử, lịch sử truyền thống; Báo chí - xuất bản; An sinh xã hội; Lao động và việc làm; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc; Sách địa chí
17	Nguyễn Danh Lợi	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đảng lãnh đạo kháng chiến chống Pháp (1945-1954); Đảng lãnh đạo kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975); Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới (1986 đến nay); Đảng lãnh đạo xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam (1930-2025)
18	Dương Thị Huệ	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đấu tranh giành chính quyền 1930-1945, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945-1954, kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975;

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ 1954-1975, quá trình hình thành đường lối đổi mới 1975-1986, bổ sung phát triển đường lối đổi mới 1986 đến nay; Công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế của Đảng từ 1945 đến nay; Tư tưởng Hồ Chí Minh và quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực trong giai đoạn hiện nay; Chủ trương của Đảng và quá trình lãnh đạo thực hiện trên các lĩnh vực từ cách mạng dân tộc dân chủ và đổi mới hiện nay
19	Vũ Trọng Hùng	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đấu tranh giành chính quyền 1930-1945, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945-1954, kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975; Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ 1954-1975, quá trình hình thành đường lối đổi mới 1975-1986, bổ sung phát triển đường lối đổi mới 1986 đến nay; Đảng lãnh đạo công tác tôn giáo; Tư tưởng Hồ Chí Minh và quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực trong giai đoạn hiện nay; Chủ trương của Đảng và quá trình lãnh đạo thực hiện trên các lĩnh vực từ cách mạng dân tộc dân chủ và đổi mới hiện nay
20	Nguyễn Thị Hồng Mai	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng thời kỳ đổi mới, trong đó tập trung vào lĩnh vực Chính sách phát triển kinh tế; Đại đoàn kết dân tộc của Đảng; Đối ngoại của Đảng; Lịch sử Đảng bộ các địa phương, ban ngành
21	Lương Viết Sang	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đảng lãnh đạo đấu tranh ngoại giao; Đảng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc; Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc
22	Nguyễn Bình	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đấu tranh giành chính quyền 1930-1945, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				lược 1945-1954, kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975; Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ 1954-1975, quá trình hình thành đường lối đổi mới 1975-1986, bổ sung phát triển đường lối đổi mới 1986 đến nay; Lịch sử xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng từ năm 1930 đến nay; Tư tưởng Hồ Chí Minh
23	Đoàn Thị Hương	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ cách mạng, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, thời kỳ đổi mới; Lịch sử xây dựng Đảng thời kỳ cách mạng và kháng chiến; Lịch sử Đảng bộ các địa phương; ban, ngành, đoàn thể
24	Nguyễn Quang Hòa	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử công tác xây dựng Đảng ở các liên khu uỷ, khu uỷ từ 1945-1975
25	Nguyễn Chí Thảo	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Việt Nam hiện đại; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Hoạt động đối ngoại trong các thời kỳ lịch sử
26	Trần Thị Thu Hằng	TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính sách của Đảng và Nhà nước, địa phương lãnh đạo công tác xây dựng Tổ chức cơ sở Đảng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và trong thời kỳ đổi mới; Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công cuộc đổi mới, trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, về Nhà nước Pháp quyền, về đạo đức công vụ, về văn hóa chính trị, về chính trị và truyền thông, về giảng dạy lý luận chính trị, về chính trị trong quản lý công, phòng chống tham nhũng tiêu cực, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; Những vấn đề chung của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử Đảng địa phương, Lịch sử Chính phủ, các Bộ, ban, ngành và lịch sử các Đảng bộ địa phương
VIII	Ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; Mã số: 9380106 (Viện chuyên ngành quản lý chuyên môn: Viện Nhà nước và Pháp luật)			

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
1	Trương Hồ Hải	PGS.TS	Luật học	Lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật; nhà nước pháp quyền; luật pháp; hành chính; kinh tế; quyền con người
2	Tào Thị Quyên	PGS.TS	Luật học	Lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật; nhà nước pháp quyền; luật pháp; hành chính; kinh tế; quyền con người
3	Trần Quang Hiến	PGS.TS	Chính trị học, chuyên ngành Nhà nước pháp quyền/Luật học, chuyên ngành Lý luận và Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	Nhà nước pháp quyền; Lý luận, Lịch sử Nhà nước và pháp luật; Quản lý nhà nước bằng pháp luật; Hành chính học, Quyền lực nhà nước; Cơ chế pháp lý; Kiểm soát quyền lực nhà nước; Chính quyền địa phương; Xây dựng pháp luật, Pháp chế; Luật Hình sự
4	Nguyễn Thị Tố Uyên	TS	Luật học	Lý luận về lịch sử nhà nước và pháp luật; nhà nước pháp quyền, tổ chức và kiểm soát quyền lực lượng nước.
5	Dương Thị Tươi	PGS.TS	Luật học	Lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật; nhà nước pháp quyền; hành chính, hiến pháp; kinh tế; quyền con người
6	Tăng Thị Thu Trang	PGS.TS	Luật học	Lý luận&lịch sử nhà nước&pháp luật; quyền con người; chính quyền địa phương; luật dân sự và tố tụng dân sự
7	Nguyễn Khánh Ly	TS	Luật học	Nhà nước pháp quyền; Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, pháp luật trong quản lý công; kiểm soát quyền lực trong quản lý nhà nước
8	Nguyễn Thị Ngọc Linh	TS	Luật học	Lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật; nhà nước pháp quyền; luật pháp; hành chính; kinh tế; quyền con người; Phòng chống tham nhũng; hình sự và tố tụng hình sự
9	Nguyễn Thị Tuyết Mai	PGS.TS	Luật học	Lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật; nhà nước pháp quyền; luật pháp; hành chính; kinh tế; quyền con người
IX	Ngành: Pháp luật về quyền con người (Ngành đào tạo thí điểm) (Viện chuyên ngành quản lý chuyên môn: Viện Quyền con người)			
1	Đặng Thị Loan	TS	Luật học	Lý luận và pháp luật về quyền lao động; Nghiên cứu chuyên sâu về Lý luận và pháp luật về quyền được trợ giúp pháp lý; quyền của người cao tuổi; quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người; Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền của phụ nữ, quyền của người lao động; Nội dung và phương pháp giáo dục quyền con người;

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				Tiếp cận dựa trên quyền con người trong hoạch định chính sách xã hội
2	Chu Thị Thuý Hằng	TS	Luật học	Lý luận về quyền con người; Pháp luật quốc tế và Việt Nam về bảo vệ quyền con người; Các cơ chế quốc tế, khu vực và quốc gia về đảm bảo quyền con người; Quyền của các nhóm dễ bị tổn thương trong bối cảnh chuyển đổi số; Cơ chế bảo hiến và quyền con người; Giáo dục quyền con người; Tiếp cận quyền con người và chỉ số quyền con người
3	Trần Thị Hồng Hạnh	TS	Luật học	Pháp luật và cơ chế bảo vệ quyền con người ở Việt Nam; Phương pháp nghiên cứu quyền con người; Nghiên cứu chuyên sâu về quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu, quyền trẻ em, quyền của người khuyết tật; Biến đổi khí hậu và quyền con người; Quyền con người trong bối cảnh chuyển đổi số
4	Đỗ Thị Thơm	TS	Luật học	Pháp luật quốc tế và Việt Nam về quyền con người; Pháp luật quốc tế về quyền của nhóm dễ bị tổn thương; Nghiên cứu chuyên sâu về bảo đảm quyền kinh tế, xã hội và văn hoá; Bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số; Bảo đảm quyền an sinh xã hội của người lao động; Bảo đảm an ninh con người và quyền con người
5	Lê Xuân Tùng	TS	Luật học	Lý luận pháp luật về quyền con người và giáo dục quyền con người; Các công ước quốc tế cốt lõi về quyền con người; Các cơ chế quốc tế của Liên hợp quốc về thúc đẩy, bảo vệ quyền con người; Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương (chuyên sâu về quyền của trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật, người cao tuổi, cộng đồng song tính, chuyển giới);

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về tự do tôn giáo; Tiếp cận dựa trên quyền con người trong hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật
6	Phùng Thị An Na	TS	Triết học	Lịch sử tư tưởng Việt Nam (trong đó có tư tưởng mẫu hệ, mẫu quyền; Chính sách và thể chế công bằng giới; Các vấn đề về giới và lãnh đạo nữ, đặc biệt là các kỹ năng lãnh đạo, quản lý thúc đẩy bình đẳng giới; Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ; Biến đổi khí hậu và bình đẳng giới; Pháp luật Việt Nam về quyền của phụ nữ; Quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng
7	Lê Văn Trung	PGS.TS	Luật học	Lý luận pháp luật về quyền con người và giáo dục quyền con người; Pháp luật và cơ chế bảo vệ quyền con người ở Việt Nam; Nhà nước pháp quyền và quyền con người; Trách nhiệm bồi thường của nhà nước và quyền con người; Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và quyền con người; Quyền con người trong các FTA thế hệ mới
8	Nguyễn Thị Thu Hà	TS	Luật học	Lý luận và pháp luật về quyền con người; Quyền của nhóm dễ bị tổn thương; Pháp luật và cơ chế quốc tế về quyền con người; Tư tưởng thế giới và Việt Nam về quyền con người; Quyền con người trong bối cảnh chuyển đổi số, biến đổi khí hậu...
9	Phan Thị Mỹ Bình	TS	Quản lý công	Lý luận pháp luật về quyền con người; Quyền của các nhóm dễ bị tổn thương trong bối cảnh chuyển đổi số; Pháp luật Việt Nam về quyền con người;
10	Hoàng Thị Giang	TS	Luật	Lý luận pháp luật về quyền con người; Cơ chế bảo đảm pháp luật về quyền con người; Pháp luật Việt Nam về quyền con người
11	Nguyễn Thu Huyền	TS	Lý luận và phương pháp	Lý luận và pháp luật về quyền con người;

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
			giảng dạy chính trị	Chính sách phát triển, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng dụng nhân tài trong các cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay; Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về xây dựng giá trị liêm chính trong hoạt động công vụ; Hoàn thiện pháp luật về quyền tác giả đối với các tác phẩm có sự sáng tạo từ trí tuệ nhân tạo; Một số vấn đề lý luận và pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng công chức hành chính ở địa phương
X	Ngành: Tôn giáo học; Mã số: 9229009 (Viện chuyên ngành quản lý chuyên môn: Viện Dân tộc và Tôn giáo)			
1	Nguyễn Thị Hà	TS	Triết học, chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Mô hình chủ nghĩa xã hội trên thế giới; Trào lưu dân chủ xã hội Bắc Âu; Các vấn đề về Dân chủ; Các vấn đề về dân tộc, chính sách dân tộc; Nguồn nhân lực; Bình đẳng giới và phụ nữ tham chính; Nữ trí thức; Phát triển bền vững xã hội, môi trường, biến đổi khí hậu vùng dân tộc thiểu số; Công nhân, công đoàn
2	Nguyễn Phú Lợi	PGS.TS	Triết học	Triết học; Tôn giáo học (Lịch sử tôn giáo thế giới và Việt Nam; Sự chuyển biến của tôn giáo Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá và cuộc cách mạng 4.0; Phật giáo Nam tông Khmer vùng Tây Nam Bộ và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam; Hồi giáo trong thế giới hiện đại; Lịch sử Phật giáo Yên Mô – Ninh Bình; Đời sống tôn giáo, tín ngưỡng vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay; Phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển ở Việt Nam hiện nay; Tín ngưỡng dân gian trong đời sống tinh thần của người dân vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay; Chính sách, luật pháp của Việt Nam trong tương quan với luật pháp quốc tế về tôn giáo; Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về bài trừ mê tín dị đoan trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo)

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
3	Nguyễn Khắc Đức	TS	Triết học	Lý luận về tôn giáo, tín ngưỡng; Các tôn giáo, tín ngưỡng trên thế giới và Việt Nam; Chính sách tôn giáo của các nước trên thế giới và Việt Nam; Quan hệ giữa tôn giáo, tín ngưỡng và các lĩnh vực đời sống xã hội
4	Nguyễn Văn Thắng	TS	Nhân học/ Dân tộc học	Quan điểm Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và công tác dân tộc, tôn giáo; Chính sách dân tộc ở Việt Nam và trên thế giới; Công tác dân tộc ở Việt Nam; Thiết chế xã hội truyền thống trong củng cố, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở; Bảo tồn và phát huy văn hoá các dân tộc thiểu số ở Việt Nam; Ảnh hưởng của di sản văn hoá, phong tục tập quán trong quản lý nhà nước
5	Đỗ Lan Hiền	PGS.TS	Triết học	Triết học; Tôn giáo học (Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và công tác tôn giáo; Chính sách tôn giáo, quản lý nhà nước về tôn giáo và dân tộc của Việt Nam và các nước trên thế giới; Nguồn lực tôn giáo và phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển kinh tế - xã hội; Đời sống tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay; Hệ thống tín ngưỡng dân gian và điện thờ tự gia ở Việt Nam; Di cư tôn giáo; Chuyển đổi số tôn giáo; Chính sách, luật pháp của Việt Nam trong tương quan với luật pháp quốc tế về tôn giáo; Kinh nghiệm ứng xử của các quốc gia trên thế giới đối với các tôn giáo nhóm nhỏ, tôn giáo mới; Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về bài trừ mê tín dị đoan trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo; Phẩm giá con người theo cách tiếp cận tôn giáo; Hệ giá trị quốc gia Việt Nam theo cách tiếp cận tôn giáo)
6	Nguyễn Văn Tạo	TS	Nhân học	Quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về công tác dân tộc; Quản lý nhà nước về công tác dân tộc; Nguồn nhân lực và chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				An sinh xã hội và sinh kế bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
7	Hoàng Thị Lan	PGS.TS	Triết học	Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo; Quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về tôn giáo, tín ngưỡng; Công tác tôn giáo của hệ thống chính trị; Vai trò/ nguồn lực của tôn giáo, tín ngưỡng; Các tôn giáo cụ thể (Phật giáo; Công giáo, Tin lành, Islam, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo...); Tín ngưỡng và lễ hội tín ngưỡng
8	Đỗ Thị Thanh Hương	TS	Tôn giáo học	Quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về tôn giáo, tín ngưỡng; Công tác tôn giáo của hệ thống chính trị (Công tác vận động quần chúng, Công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo; Công tác đối ngoại tôn giáo...); Nguồn lực của tôn giáo, tín ngưỡng; Các tôn giáo cụ thể (Phật giáo; Công giáo, Tin lành, Islam, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo...); Tín ngưỡng và lễ hội tín ngưỡng
9	Lê Tâm Đắc	TS	Triết học	Kết nạp đảng viên là người theo tôn giáo; Hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam hiện nay; Chuyển đổi tôn giáo ở Việt Nam hiện nay; Đời sống tôn giáo vùng dân tộc thiểu số hiện nay; Hoạt động xã hội của các tôn giáo ở Việt Nam; Vấn đề ly khai tự trị liên quan đến tôn giáo vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam; Nguồn lực tôn giáo ở Việt Nam hiện nay
10	Thiều Huy Thuật	TS	Giáo dục học	Chính sách của Đảng nhà nước về dân tộc; Chính sách của Đảng nhà nước về giáo dục đào tạo; Chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Phân cấp, phân quyền trong bộ máy nhà nước hiện nay; Xây dựng chính quyền số ở Việt Nam
11	Phạm Thanh Hằng	TS	Tôn giáo học	Đời sống tôn giáo, tín ngưỡng đương đại;

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				Phát huy vai trò, nguồn lực tôn giáo, tín ngưỡng; Chính sách, pháp luật về tôn giáo ở Việt Nam; Chính sách, pháp luật về tôn giáo của các nước trên thế giới trong tương quan so sánh với Việt Nam; Các tôn giáo cụ thể như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo...; Các hiện tượng tôn giáo mới, tín ngưỡng mới; Quan hệ quốc tế của các tôn giáo và công tác đối ngoại trên lĩnh vực tôn giáo; Chính sách dân tộc của các nước trên thế giới trong tương quan so sánh với Việt Nam
12	Nguyễn Thị Hải Yến	TS	Tâm lý học	Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo; Quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về tôn giáo, tín ngưỡng; Chính sách tôn giáo của các nước (Lào, Campuchia); Các tôn giáo cụ thể (Công giáo, Phật giáo); Tín ngưỡng (Thờ cúng tổ tiên, thờ Mẫu,...); Nguồn lực tôn giáo; Quan hệ dân tộc, tôn giáo
13	Bùi Hồng Thanh	TS	Tôn giáo học	Phật giáo với vấn đề bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay; Ứng xử đối với tôn giáo ở một số quốc gia trên thế giới (trường hợp Thái Lan, Myanmar, Malaysia, Indonesia, Vương quốc Anh...); Nguồn lực tôn giáo ở Việt Nam (Công giáo, Phật giáo...); Khai thác giá trị văn hóa tín ngưỡng tôn giáo trong phát triển du lịch ở nước ta; Tôn giáo và quan điểm, chính sách tôn giáo ở Việt Nam; Tôn giáo trong xây dựng hệ giá trị ở Việt Nam; Quan hệ giữa dân tộc thiểu số với tôn giáo ở Việt Nam; Hoạt động quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam;

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				Hoạt động giáo dục tôn giáo ở một số nước trên thế giới và kinh nghiệm đối với Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ tổ quốc thời kỳ đổi mới; Hiến pháp 1946- Bản lề cho tiến trình xây dựng luật pháp về tôn giáo ở Việt Nam; Một số kinh nghiệm thực hiện chính sách phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào tôn giáo ở Bắc Trung Bộ; Phê phán quan điểm cho rằng Luật tín ngưỡng tôn giáo là để chính quyền sử dụng kiểm soát, hạn chế quyền tự do tôn giáo của người dân; Chuyển đổi tôn giáo ở một số tỉnh miền núi phía Bắc
14	Trần Phương Chi	TS	Triết học	Kinh tế Tôn giáo; Truyền thông số và Tôn giáo; Pháp luật và Tôn giáo; Islam giáo; Văn hoá Dân tộc
15	Nguyễn Công Trí	TS	Triết học	Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và công tác tôn giáo; Chính sách tôn giáo, quản lý nhà nước về tôn giáo; Nguồn lực tôn giáo và phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển kinh tế - xã hội; Tôn giáo nội sinh và vai trò của tôn giáo nội sinh trong phát triển đất nước; Phật giáo và phát huy nguồn lực của Phật giáo trong phát triển đất nước
XI	Ngành: Văn hóa học; Mã số: 9229040 (Viện chuyên ngành quản lý chuyên môn: Viện Văn hóa và Phát triển)			
1	Vũ Thị Phương Hậu	PGS.TS	Văn hóa học	Đường lối và chính sách văn hóa; Văn hóa Việt Nam và văn hóa thế giới; Di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội; Công nghiệp văn hóa
2	Nguyễn Tiến Thư	TS	Văn hóa học	Đường lối và chính sách văn hóa; Văn hóa Việt Nam và văn hóa thế giới; Di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội
3	Lương Huyền Thanh	TS	Ngữ văn	Đường lối và chính sách văn hóa; Văn hóa Việt Nam và văn hóa thế giới;

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				Di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội
4	Nguyễn Thị Tuyền	TS	Ngữ văn	Đường lối và chính sách văn hóa; Văn hoá chính trị; Thiết chế văn hoá; Giao lưu văn hoá
5	Bùi Thị Kim Chi	TS	Văn hóa học	Đường lối và chính sách văn hóa; Văn hóa Việt Nam và văn hóa thế giới; -Di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội
6	Lê Thị Thu Phượng	TS	Văn hóa học	Đường lối và chính sách văn hóa; Di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội; Công nghiệp văn hóa; Văn hóa tộc người
7	Đặng Thị Tuyết	TS	Văn hóa học	Đường lối và chính sách văn hóa; Di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội; Văn hóa ứng dụng; Văn hóa đương đại
8	Nghiêm Thị Thu Nga	TS	Văn hóa học	Đường lối và chính sách văn hóa; Văn hóa Việt Nam và văn hóa thế giới; Di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội
9	Hà Thúy Mai	TS	Quản lý văn hóa	Đường lối và chính sách văn hóa; Di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội
10	Nguyễn Việt Anh	TS	Báo chí	Đường lối và chính sách văn hóa; Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa; Truyền thông đại chúng với phát triển văn hóa
11	Nguyễn Duy Thái	TS	Văn hóa học	Đường lối và chính sách văn hóa; Văn hóa Việt Nam và văn hóa thế giới; Di sản văn hóa
12	Lê Thị Trang	TS	Văn hóa học	Đường lối và chính sách văn hóa; Văn hóa Việt Nam và văn hóa thế giới; Di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội
XII	Ngành: Xã hội học; Mã số: 9310301 (Viện chuyên ngành quản lý chuyên môn: Viện Kinh tế - Xã hội và Môi trường)			
1	Vũ Thái Hạnh	TS	Xã hội học	Chính sách xã hội; Quản lý phát triển xã hội; Dự luận xã hội; Dân số và phát triển; Cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội
2	Đỗ Văn Quân	TS	Xã hội học	Quản lý phát triển xã hội;

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				Các vấn đề xã hội; Xã hội học chính trị; Xã hội học tổ chức; Dự luận xã hội và truyền thông; Chính sách xã hội và an sinh xã hội; Lý thuyết xã hội học
3	Nguyễn Ngọc Huy	TS	Xã hội học	Phương pháp nghiên cứu xã hội học; Xã hội học môi trường; Xã hội học nông thôn; Dự luận xã hội và truyền thông; Xã hội học khoa học và công nghệ; Dân số và phát triển; Cấu trúc xã hội và phân tầng xã hội
4	Phạm Thu Hà	TS	Xã hội học	Vai trò giới; Văn hoá và phát triển; Dự luận xã hội và truyền thông; Cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội; Dân số và phát triển; Chính sách xã hội; Quản lý phát triển xã hội
5	Vũ Thị Minh Ngọc	TS	Xã hội học	Xã hội học Gia đình; Xã hội học Giới; Xã hội học Sức khỏe; Xã hội học Văn hóa; Xã hội học Cộng đồng; Chính sách xã hội
6	Lê Thị Tuyền	TS	Xã hội học	Xã hội học Dân tộc - Tôn giáo; Xã hội học Cộng đồng; Xã hội học Văn hoá; Chính sách xã hội
7	Đặng Thị Minh Lý	TS	Xã hội học	Xã hội học đô thị; Công tác xã hội; Chính sách xã hội; Dân số và phát triển; Gia đình và giới; Quản lý và phát triển xã hội; Dự luận xã hội, truyền thông
XIII	Ngành: Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Mã số: 9310202 (Viện chuyên ngành quản lý chuyên môn: Viện Xây dựng Đảng)			
1	Lâm Quốc Tuấn	PGS.TS	Chính trị học	Công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ, dân vận, kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; Công tác đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng;

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội; Đảng cầm quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng
2	Lê Văn Cường	PGS.TS	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Công tác tổ chức, cán bộ, kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; Công tác đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng; Đảng cầm quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng
3	Đinh Ngọc Giang	PGS.TS	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ, dân vận, kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; Công tác đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng; Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội; Đảng cầm quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng
4	Nguyễn Minh Tuấn	PGS.TS	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ, dân vận, kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; Công tác đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng; Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội; Đảng cầm quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng
5	Nguyễn Ngọc Ánh	PGS.TS	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ, dân vận, kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; Công tác đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng; Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội;

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				Đảng cầm quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng
6	Nguyễn Thắng Lợi	PGS.TS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ, dân vận, kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; Công tác đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng; Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội; Đảng cầm quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng
7	Trịnh Thanh Tâm	TS	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ, dân vận, kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; Công tác đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng; Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội; Đảng cầm quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng
8	Nguyễn Thị Thanh Bình	TS	Lịch sử Việt Nam	Công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ, dân vận, kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; Công tác đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng; Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội; Đảng cầm quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng
9	Nguyễn Đức Nhuận	TS	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội; Đảng cầm quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; Công tác tư tưởng; Công tác tổ chức, cán bộ;

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				Công tác dân vận; công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; Công tác đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng.
10	Nguyễn Thị Tố Uyên	TS	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ, dân vận, kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; Công tác đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng; Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội; Đảng cầm quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng
11	Đoài Văn Tạng	TS	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Công tác tổ chức, cán bộ, dân vận, kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; Công tác đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng; Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội; Đảng cầm quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng
12	Cầm Thị Lai	TS	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Công tác tổ chức, cán bộ; Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; Công tác đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng; Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị
13	Lê Thị Hà	TS	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng; Đảng cầm quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; Chính quyền địa phương; Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; Công tác tư tưởng, tổ chức - cán bộ, dân vận của Đảng; Công tác đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng;

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội
14	Lê Thị Minh Hà	TS	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Công tác tổ chức, cán bộ, dân vận, kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; Công tác đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng; Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội; Đảng cầm quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng
15	Trần Thị Kim Dung	TS	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng; Công tác tổ chức - cán bộ, dân vận, kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; Công tác đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng; Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội; Đảng cầm quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng
16	Trần Quốc Dương	TS	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ, dân vận, kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; Công tác đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng; Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội; Đảng cầm quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng
17	Bùi Văn Hải	TS	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng; Công tác tổ chức - cán bộ, dân vận, kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; Công tác đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng;

STT	Họ và tên nhà khoa học	Học hàm, học vị	Ngành khoa học của học hàm/học vị	Hướng nghiên cứu
				Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội; Đảng cầm quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng
18	Nguyễn Văn Hùng	TS	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng; Đảng cầm quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; Công tác tổ chức - cán bộ, dân vận, tư tưởng của Đảng; Công tác đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng; Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội; Chính quyền địa phương